

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 40/2009/QH13;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp” bao gồm 32 Tiêu chí về cảnh quan, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải y tế trong cơ sở y tế.

Điều 2. “Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp” được áp dụng thực hiện cho các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

Điều 3. Giao Cục Quản lý môi trường y tế làm đầu mối hướng dẫn triển khai thực hiện “Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp” và tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung các tiêu chí cho phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cơ sở y tế xanh- sạch-đẹp, Quyết định số 6573/QĐ-BYT ngày 03/11/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn triển khai cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

Điều 5. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế; các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BỘ TIÊU CHÍ CƠ SỞ Y TẾ XANH - SẠCH - ĐẸP***(Ban hành kèm theo Quyết định số**/QĐ-BYT ngày tháng 12 năm 2021)***1. MỤC ĐÍCH**

Đảm bảo môi trường cơ sở y tế “xanh-sạch-đẹp” góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và sức khỏe cộng đồng.

2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Tất cả cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở y tế dự phòng; cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe; cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược sau đây gọi tắt là cơ sở y tế (CSYT).

3. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Bộ tiêu chí này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Xanh – sạch – đẹp

Là toàn bộ các vấn đề về môi trường, cảnh quan liên quan đến người bệnh (NB), người nhà người bệnh (NNNB), nhân viên y tế (NVYT).

3.2. Tiêu chí

Là các yếu tố dùng để đo lường hoặc kiểm tra, giám sát mức độ yêu cầu cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của chất lượng.

Mỗi tiêu chí là tập hợp các các nội dung cần đo lường, giám sát tại CSYT về việc tuân thủ hoặc không tuân thủ; đáp ứng hoặc không đáp ứng; đạt hoặc không đạt.

3.3. Mức (mức độ) đánh giá của tiêu chí

Là các cấp độ chất lượng từ thấp đến cao của một tiêu chí cụ thể, tương tự như các bậc thang. Trong Bộ tiêu chí này gồm 32 Tiêu chí. Mỗi tiêu chí được chia làm 5 mức độ đánh giá; mức 1 là mức thấp nhất và mức 5 là mức cao nhất.

4. CẤU TRÚC BỘ TIÊU CHÍ

Bộ tiêu chí bao gồm 32 tiêu chí, được chia thành 3 phần:

Phần A: Xanh (02 Tiêu chí).

Phần B: Sạch (24 Tiêu chí).

Phần C: Đẹp (06 Tiêu chí).

Trong mỗi phần A, B, C có các Tiêu chí và nhóm Tiêu chí.

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		PHẦN A. XANH	10
1	A1	Cây xanh	
		Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng diện tích khuôn viên CSYT	5
2	A2	Năng lượng xanh	
		+ Quy định tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị điện có cảm ứng	
		+ Sử dụng năng lượng tự nhiên	
		PHẦN B. NỘI DUNG SẠCH	80
	B1	Nước sạch	10
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5
	B2	Nhà vệ sinh	20
5	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh tại Khoa khám bệnh + Khu vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế + Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiêu/100 lượt khám	2
6	B2.2	Số lượng nhà vệ sinh tại mỗi Khoa/phòng điều trị, xét nghiệm + Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế + Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiêu và 01 chỗ tắm giặt + Có nhà vệ sinh đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận và sử dụng được	2
7	B2.3	Điều kiện chung về nhà vệ sinh + Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng + Không mùi hôi + Có sẵn nước rửa tay, nước dội + Có bảng hướng dẫn rửa tay	4
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh + Khô, không đọng nước.	2

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		+ Không trơn trượt. + Sạch, không có vết bẩn. + Không có rác rơi vãi + Không bong tróc, nứt vỡ	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh + Không có mạng nhện + Không có rêu mốc + Không bong tróc + Không thấm, dột + Được quét sơn/vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan	2
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước + Không nứt, vỡ + Không hỏng, tắc + Xí tiểu không dính đọng phân, nước tiểu	2
11	B2.7	Các vật dụng trong NVS + Có sẵn giấy vệ sinh + Thùng đựng chất thải + Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay + Có gương soi, có móc treo đồ	4
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh + Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát + Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần	2
	B3	Quản lý chất thải y tế	40
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định: + Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định + Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về: + Tần suất thu gom + Dụng cụ thu gom + Quy định tuyến đường, thời điểm thu gom	2
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định : + Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật + Thời gian lưu giữ đúng quy định	2

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4
		<i>Chuyển giao để xử lý tập trung</i>	
		+ Chuyên giao cho đơn vị có chức năng phù hợp	
		+ Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn	
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định	
		+ Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)	
		<i>Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm</i>	
		+ Chuyên giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt)	
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế	
		+ Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu;	
		CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:	
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn	
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	
		+ Sử dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường (khuyến khích)	
		CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	
		+ Có ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế	
		+ Có thực hiện phân loại CTYT để phục vụ tái chế	
		+ Ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng phù hợp	
		+ Có sổ bàn giao chất thải sau khi đã xử lý khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường để phục vụ tái chế (đối với CSYT sử dụng thiết bị khử khuẩn chất thải lây nhiễm)	
		CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	
		+ Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế	
		+ Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định	
		+ Có sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ	
		+ Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		nước, không có mùi hôi	
		+ Đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế + Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT + Có tập huấn, truyền thông + Có thực hành diễn tập	3
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định Có thực hiện quan trắc, giám sát đủ tần suất, đủ thông số theo quy định	5
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động + Trang bị đủ bảo hộ lao động + Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	1
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế + Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng. + Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế + Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa. + Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật	5
	B4	Vệ sinh môi trường	10
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên + Sạch sẽ, không có nước đọng + Có đủ thùng đựng chất thải + Không có chất thải rơi vãi + Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong tróc	3

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt	
		+ Không có chất thải rơi vãi	
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	
		+ Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không có rêu mốc, bong tróc	
26	B4.3	Trong các khoa/phòng/buồng bệnh	5
		+ Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc	
		+ Sàn sạch, không đọng nước, không trơn trượt	
		+ Không có chất thải rơi vãi	
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	
	C	PHẦN C. ĐẸP	10
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1
		+ Có biển tên: CSYT, các khoa/phòng bộ phận/nhà vệ sinh	
		+ Có sơ đồ, biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh; biển chỉ dẫn lối đi trong CSYT	
		+ Có Bảng rôn, bảng chữ điện tử, khẩu hiệu CSYT “Xanh, Sạch, Đẹp”	
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2
		+ Có đài phun nước hoặc tiểu cảnh hòn non bộ, bể cá; hoặc hồ nước trong khuôn viên CSYT.	
		+ Hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ...được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên	
		+ Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.	
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2
		+ Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện	
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp	
		+ Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch	
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB)	
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2
		+ Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần.	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		+ Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc + Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp. + Có ti vi hoặc màn hình điện tử đề NB, NNNB giải trí	
31	C5	Khu vực gửi xe + Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh + Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng + Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm + Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ	2
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB + Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp + NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố	1
		Tổng cộng	100

5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ÁP DỤNG

- Các cơ sở y tế áp dụng toàn bộ 32 tiêu chí phần A, B, C để đánh giá và tính điểm công bố chất lượng.

- Đối với trạm y tế tuyến xã thì không áp dụng tiêu chí B2.2

- Đối với tiêu chí B3.4 có 2 hình thức chuyển giao chất thải cho đơn vị xử lý. Trường hợp cơ sở y tế thực hiện 2 hình thức chuyển giao thì điểm của tiêu chí B3.5 sẽ là điểm trung bình cộng của 2 hình thức chuyển giao.

- Đối với tiêu chí B3.5, trường hợp cơ sở y tế không thực hiện tự xử lý chất thải rắn y tế tại cơ sở y tế thì không áp dụng đánh giá tiêu chí này. Điểm tiêu chí này được tính tối đa và được cộng vào tổng điểm chung.

- Đối với tiêu chí B3.9, trường hợp cơ sở y tế không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường y tế theo quy định thì không áp dụng đánh giá tiêu chí này. Điểm tiêu chí này được tính tối đa và được cộng vào tổng điểm chung.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

6.1. Căn cứ đánh giá

- a. Dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, quyết định của cơ quan lý có thẩm quyền quy định.
- b. Dựa trên các hoạt động thực tế của cơ sở y tế cần đánh giá mức độ

6.2. Năm mức đánh giá một tiêu chí (M)

- Mức 1: Chưa thực hiện, hoặc thực hiện sai (vi phạm) các quy định văn bản quy pháp luật, quy chế, quy định, quyết định.
- Mức 2: Đã thực hiện một phần hoặc đã thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ theo quy định.
- Mức 3: Cơ bản đã thực hiện đầy đủ các quy định văn bản quy pháp luật, quy chế, quy định, quyết định.
- Mức 4: Thực hiện đầy đủ các quy định văn bản quy pháp luật, quy chế, quy định, quyết định
- Mức 5: Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định văn bản quy pháp luật, quy chế, quy định, quyết định, cơ sở y tế còn có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT.

6.3. Phương thức đánh giá các tiêu chí, nhóm tiêu chí

- Quan sát trực tiếp.
- Tra cứu sổ sách, văn bản, tài liệu liên quan.
- Kiểm tra, phỏng vấn nhanh nhân viên y tế/người bệnh/người nhà người bệnh.

7. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM BỘ TIÊU CHÍ

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		PHẦN A. XANH						10
		Căn cứ TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế						
1	A1	Cây xanh: Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng khuôn viên cơ sở y tế	<5%	5-<10%	10-<20%	20-<40%	≥40%	5
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5	
2	A2	Năng lượng xanh: + Quy định tiết kiệm điện + Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện + Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện + sử dụng thiết bị điện có cảm ứng + Sử dụng năng lượng tự nhiên	Thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện được 4 nội dung	Thực hiện 5 nội dung	5
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5	
		PHẦN B. SẠCH						80
	B1	Nước sạch						10
		Căn cứ đánh giá:						

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		-Chất lượng nước: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hoặc QC địa phương; QCVN 6-1: 2010/BYT “Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai” -Số lượng: 1m ³ /GB/ngày (đối với BVĐK theo QCVN4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế); Các CSYT khác: 100-300lít/người/ngày theo TCVN4513:1988 về cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế						
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	-Không cấp đủ, -không liên tục -không đạt chất lượng	-Nước cấp đủ - Không đạt CLN	Nước cấp đủ và đạt CLN nhưng không liên tục 24h/ngày tới tất cả các khoa phòng	Nước cấp đủ, liên tục 24h/ngày tới tất cả các khoa phòng và đạt CLN	Đạt mức 4 và thực hiện tự giám sát 1 số chỉ tiêu CLN (clo dư, vi sinh)	5
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5	
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	Không theo dõi, kiểm tra CLN	Có theo dõi kiểm tra nhưng CLN không đạt	CLN đạt và cung cấp đủ tới tất cả các khoa/phòng	Đạt mức 3 và có nước nóng, lạnh được cấp đủ liên tục 24h/ngày	Đạt mức 4 và thực hiện tự giám sát 1 số chỉ tiêu vi sinh	5
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5	
	B2	Nhà vệ sinh						20

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
5	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh khoa khám bệnh	Không đạt (1)	Đạt (1) nhưng không đạt (2)	Đạt cả (1) và (2)	Đạt (1) và ≥ 2 NVS (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám	Đạt mức 4 và có NVS cho người khuyết tật và trẻ em	2
		(1) Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế						
		(2) Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám						
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
6	B2.2	Số lượng nhà vệ sinh khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% các khoa/phòng	2
		+ Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế						
		+ Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu, 01 chỗ tắm giặt						
		+ Phải có ít nhất một khu vệ sinh đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng						
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	Đạt ≤ 2 nội	Đạt 3 nội	Đạt 4 nội	Đạt đủ 5 nội	Đạt mức 4 và	4

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Có biển chỉ dẫn đến NVS + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng + Không mùi hôi + Có sẵn nước rửa tay, nước dội + Có bảng hướng dẫn rửa tay	dung	dung	dung	dung	có thiết bị tạo mùi hương thơm hoặc có nhạc hoặc cây xanh trang trí	
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4	
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh + Khô, không đọng nước. + Không trơn trượt. + Sạch, không có vết bẩn. + Không có rác rơi vãi + Không bong tróc, nứt vỡ	Đạt ≤ 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đủ cả 5 nội dung	2
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh + Không có mạng nhện,	Đủ 1 nội dung	Đủ 2 nội dung	Đủ 3 nội dung	Đủ 4 nội dung	Đủ cả 5 nội dung	2

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Không cỏ rêu mốc, + Không bong tróc + Không thấm, dột + Được quét sơn/ vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan						
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu + Không nứt, vỡ, + Không hỏng, tắc + Xí tiểu không dính đọng phân, nước tiểu;	Không đạt nội dung nào	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt cả 3 nội dung	Đạt mức 4 và thiết bị có cảm ứng/ hoặc có thiết bị vệ sinh thông minh	2
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
11	B2.7	Các vật dụng trong NVS + Có sẵn giấy vệ sinh, + Thùng đựng chất thải + Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay	Đủ 1 nội dung	Đủ 2 nội dung	Đủ cả 3 nội dung	Đủ 4 nội dung	Đạt mức 4 và có bình nóng lạnh/có thiết bị làm khô tay	4

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Có gương soi, móc treo đồ						
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4	
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh	Không đạt cả 2 nội dung	Đạt 1 nội dung	Đạt cả 2 nội dung	Đạt mức 3 và thực hiện dọn vệ sinh ngay khi bẩn	Đạt mức 4 và có sáng kiến, ứng dụng CNTT trong giám sát dọn vệ sinh	2
		+ Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát						
		+ Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần						
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS	
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
	B3	Quản lý chất thải y tế						40
		Căn cứ: - Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế - QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 55: 2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm - QCVN 02: 2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế - Quyết định số 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 về việc Ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi						

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		trường do chất thải y tế, giai đoạn 2021-2025						
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định: + Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định + Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% khoa/phòng/bộ phận thực hiện và có sử dụng túi thân thiện môi trường, thùng cảm ứng	5
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về: + Tần suất + Dụng cụ thu gom + Tuyến đường, thời điểm	Không thực hiện cả 3 nội dung	Thực hiện 1 trong 3 nội dung hoặc không xử lý sơ bộ CT có nguy cơ lây nhiễm cao trước khi thu gom (nếu có)	Thực hiện 2 trong 3 nội dung;	Thực hiện đủ 3 nội dung;	Thực hiện đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	2

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định: (1) Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định (2) Thời gian lưu giữ đúng quy định	Không có khu lưu giữ	Có khu lưu giữ nhưng không đạt cả 2 nội dung	Có khu lưu giữ và chỉ đạt 1 trong 2 nội dung	Có khu lưu giữ đạt cả 2 nội dung	Đạt mức 4 và có trang bị điều hòa hoặc thiết bị bảo quản lạnh chất thải lây nhiễm	2
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải cho đơn vị xử lý đúng quy định						4
		<i>Chuyển giao để xử lý tập trung</i> + Chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp + Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn + Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định + Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)	Đơn vị vận chuyển không có giấy phép phù hợp	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 3 nội dung	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 4 nội dung	Thực hiện đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		<i>Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế</i> + Chuyển giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt) + Có Sổ giao nhận chất thải y tế + Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu	Đơn vị vận chuyển không được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện < 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện 3 nội dung	Thực hiện đạt mức 3 và có biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường	Thực hiện đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4	
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:						4
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	- Có xử lý CTYT	- Có xử lý CTYT	- Có xử lý CTYT	Đạt mức 3 và có sử dụng công nghệ xử lý CTYT thân thiện với môi trường	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT trong quản lý giám sát vận hành hệ thống xử lý	
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn	- Không thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất	- Có thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất	- Có thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất			
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy						

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		đủ thông tin	thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin - Kết quả xử lý không đạt QCVN	thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin - Kết quả xử lý đạt QCVN		CTYT	
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4	
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	- Không ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế	- Ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế - Có phân	Có phân loại CTYT để phục vụ tái chế và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp	Đạt mức 3 và khi bàn giao chất thải lây nhiễm đã xử lý đạt QCVN có sổ bàn giao theo quy định	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	2

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
			- Không phân loại CTYT để phục vụ tái chế	loại CTYT để phục vụ tái chế nhưng ký hợp đồng với đơn vị không có chức năng phù hợp				
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	Không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế	- Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế - Kết quả xử lý không đạt QCVN	- Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế - Kết quả xử lý đạt QCVN không ổn định (lúc đạt, lúc không)	- Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế - Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định - Có sổ nhật ký vận hành	Đạt mức 4 và có ứng dụng CNTT trong giám sát nước thải đầu ra	7

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
						công trình, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ - Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng nước, không có mùi hôi - Kết quả xử lý luôn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường		
		Điểm đánh giá	0	1	3	5	7	
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế + Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT theo kế hoạch	Không có kế hoạch, phê duyệt	- Có kế hoạch được phê duyệt - Chưa triển khai tập huấn, truyền thông	- Có kế hoạch được phê duyệt - Có triển khai tập huấn, truyền thông	- Có kế hoạch được phê duyệt - Có triển khai tập huấn, truyền thông	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	3

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Có tập huấn, truyền thông				- Có thực hành diễn tập		
		+ Có thực hành diễn tập						
		Điểm đánh giá	0	1	2	2,5	3	
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	Không quan trắc	Có quan trắc nhưng không đủ tần suất	Có quan trắc, đủ tần suất nhưng không đủ thông số	Có quan trắc, đủ tần suất, đủ thông số	Đạt mức 4 và có hệ thống giám sát tự động	5
		Điểm đánh giá	0	2	3	4	5	
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	Không trang bị đủ bảo hộ lao động	Có trang bị nhưng không đầy đủ bảo hộ lao động	Có trang bị đủ bảo hộ lao động nhưng không mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	Trang bị đủ bảo hộ lao động và có mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc nhưng không thường xuyên	Trang bị đủ bảo hộ lao động và có luôn mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	1
		+ Trang bị đủ bảo hộ lao động						
		+ Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc						
		Điểm đánh giá	0,2	0,4	0,6	0,8	1	

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
23	B3.11	CSYT thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế						5
		+ Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng. + Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế + Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa. + Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật	Thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện 4 nội dung	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5	
	B4	Vệ sinh môi trường						10
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên: + Sạch sẽ, không có nước đọng	thực hiện ít nhất được 1	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện tốt 4 nội	Đạt mức 4 và có sáng kiến, áp	3

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Có đủ thùng đựng chất thải, + Không có chất thải rơi vãi, + Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong tróc	nội dung			dung	dụng CNTT trong việc giám sát các nội dung	
		Điểm đánh giá	0	1	2	2,5	3	
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ + Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt + Không có chất thải rơi vãi, + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng + Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không rêu mốc, bong tróc	Không thực hiện hoặc thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện tốt 4 nội dung	Đạt mức 4 và có sáng kiến, áp dụng CNTT trong việc giám sát các nội dung	2
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh + Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc + Sàn sạch, không trơn trượt, + Không có chất thải rơi vãi, + Đảm bảo thông gió và đủ ánh	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% các khoa/phòng	5

Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí
	sáng
	Điểm đánh giá
	PHẦN C. ĐẸP
	Biểu hiệu, biểu tên, biểu chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		tĩa thường xuyên						
		+ Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.						
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ + Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp + Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch + Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB) + Có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt cả 5 nội dung	2
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn	Đạt 1 nội	Đạt 2 nội	Đạt 3 nội	Đạt 4 nội	Đạt cả 5 nội	2

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		gàng + Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần. + Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc + Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp. + Có ti vi hoặc màn hình điện tử để NB, NNNB giải trí	dung	dung	dung	dung	dung	
		% tỷ lệ khoa phòng	<10% số khoa/phòng	10- <50% số khoa/phòng	50- <80% số khoa/phòng	80 - <100% số khoa/phòng	100% số khoa/phòng	
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
31	C5	Khu vực gửi xe + Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt cả 4 nội dung	Đạt mức 4 và có camera giám sát hoặc khu để xe thông minh	2

STT	Tiêu chí/nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá
		+ Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng						
		+ Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm						
		+ Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ						
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2	
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB						
		+ Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt cả 5 nội dung	1
		+ NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/ váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố						
		Điểm đánh giá	0,2	0,4	0,6	0,8	1	
		Tổng cộng						100

8. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

8.1. Tính điểm tiêu chí

Cơ sở y tế đạt mức nào thì khoanh vào mục điểm tương ứng.

8.2. Tính điểm nhóm tiêu chí

Điểm nhóm tiêu chí bằng tổng các điểm Tiêu chí.

8.3. Kết quả đánh giá chung và xếp loại

Tổng điểm đánh giá là: 100 điểm

Điểm đánh giá chung của CSYT được tính bằng tổng điểm của các tiêu chí và được xếp loại như sau:

- Loại Xuất sắc: đạt mức điểm từ 95 - 100 điểm và không có tiêu chí nào ở mức 1.
- Loại Tốt: đạt mức điểm từ 80 - 94 điểm và không có tiêu chí nào ở mức 1.
- Loại Khá: đạt mức điểm từ 60 - 79 điểm
- Loại Trung bình: đạt mức điểm từ 40- 59 điểm
- Loại Kém: đạt mức điểm < 40 điểm hoặc CSYT bị lập biên bản vi phạm hành chính về môi trường.

9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ SỞ Y TẾ XANH – SẠCH – ĐẸP

Cơ sở y tế đánh giá thực hiện Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp và báo cáo kết quả thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp theo mẫu kèm theo.

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ SỞ Y TẾ XANH – SẠCH – ĐẸP

I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

- a. Tên cơ sở y tế:
- b. Địa chỉ:
- c. Họ và tên người đứng đầu cơ sở y tế:
- d. Điện thoại liên hệ:
- e. Người chịu trách nhiệm báo cáo:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ
 - Điện thoại
 - Địa chỉ Email:

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. TỔNG SỐ ĐIỂM ĐẠT:	 /100 ĐIỂM
2. ĐẠT LOẠI	☐ Xuất sắc
	☐ Tốt
	☐ Khá
	☐ TB
	☐ Kém

STT	THÀNH PHẦN VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí
A	XANH (2)		
A1.	CSYT thực hiện trồng cây xanh (1)		
A2.	CSYT sử dụng năng lượng xanh (1)		
B	SẠCH (24)		
B1.	Nước sạch (2)		
B2.	Nhà vệ sinh (8)		
B3.	Quản lý chất thải (11)		
B4.	Vệ sinh môi trường (3)		
C	ĐẸP (6)		
C1.	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, đẹp, dễ quan sát (1)		
C2.	Khuôn viên CSYT trang trí đẹp(1)		
C3.	Khu sảnh chờ, phòng chờ trang trí đẹp (1)		

STT	THÀNH PHẦN VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí
C4.	Khoa/phòng/buồng bệnh trang trí đẹp (1)		
C5.	Khu vực gửi xe bố trí gọn gàng, đẹp (1)		
C6.	Trang phục đẹp (1)		

STT	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm chấm
	PHẦN A. XANH (2)		10	
1	A1	Cây xanh	5	
2	A2	Năng lượng xanh	5	
	PHẦN B. SẠCH (24)		80	
	B1. NƯỚC SẠCH (2)		10	
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	
	B2. NHÀ VỆ SINH (8)		20	
5	B2.1	Số lượng NVS tại khoa khám bệnh	2	
6	B2.2	Số lượng NVS tại khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2	
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	4	
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2	
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước	2	
11	B2.7	Các vật dụng trong nhà vệ sinh	4	
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra, giám sát NVS	2	
	B3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI (10)		40	
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5	
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:	2	
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định	2	
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4	
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định	4	
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2	
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7	

STT	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm chấm
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	3	
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	5	
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	1	
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5	
	B4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (3)		10	
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3	
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2	
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5	
	PHẦN C. ĐẸP (6)		10	
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1	
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2	
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2	
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2	
31	C5	Khu vực gửi xe	2	
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1	

(Kèm theo bảng đánh giá chấm điểm từng Tiêu chí/Nhóm tiêu chí)

III. ĐÁNH GIÁ ƯU, NHƯỢC ĐIỂM

IV. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

V. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN KHẮC PHỤC

NGƯỜI BÁO CÁO

(ký, ghi rõ họ, tên)

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)